

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 921 /QĐ-UBND

Vĩnh Lại, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai dự toán tình hình thực hiện dự toán thu – chi
ngân sách địa phương quý 3 năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH LẠI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/ TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bổ sung sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/ TT – BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Lại, về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các phòng, ban, đơn vị, các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã Vĩnh Lại sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Vĩnh Lại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2025 (Có biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Thời gian công khai số liệu là 30 ngày - từ ngày 09/10/2025 đến hết ngày 09/11/2025.

Hình thức và địa điểm công khai: Công khai bằng hình thức niêm yết trực tiếp; Địa điểm tại trụ sở UBND xã Vĩnh Lại.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng phòng văn hóa xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hương



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	150.202.000	185.794.902	123,70
1	Thu nội địa	9.662.000	9.801.341	101,44
2	Thu viện trợ	-	-	
3	Thu bổ sung	140.540.000	165.787.916	117,96
	- Thu bổ sung cân đối	140.540.000	115.764.282	82,37
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	50.023.634	
4	Thu chuyển nguồn		10.205.645	
II	TỔNG SỐ CHI	150.202.000	167.882.963	111,77
1	Chi đầu tư phát triển	6.093.000	45.060.700	739,55
2	Chi thường xuyên	142.633.000	122.822.263	86,11
3	Chi chuyển nguồn NS năm 2023-2024			
4	Dự phòng	1.476.000		

Vĩnh Lại, ngày 09 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Đoàn Bảo Trung

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hương

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

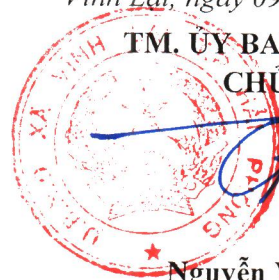
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5=3/1	THU NSX 6=4/2
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	185.170.000	150.202.000	209.378.911	185.794.902	113	124
I	Thu nội địa	44.630.000	9.662.000	33.385.350	9.801.341	75	101
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			858.541			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)			241			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	1.326.000	1.061.000	2.581.061	1.247.033	195	118
5	Thuế thu nhập cá nhân	880.000	704.000	1.867.981	767.210	212	109
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	201.000	201.000	2.771.103	1.274.801	1.379	634
8	Thu phí, lệ phí	152.000	152.000	317.900	184.060	209	121
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			122			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	486.000	486.000	279.039	28.280	57	6
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			968.723			
12	Thu tiền sử dụng đất	40.620.000	6.093.000	10.112.308	4.772.690	25	78
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			11.916.988			
16	Thu khác ngân sách	135.000	135.000	455.442	271.366	337	201
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	830.000	830.000	1.255.901	1.255.901	151	151
II	Thu viện trợ						
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			10.205.645	10.205.645		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	140.540.000	140.540.000	165.787.916	165.787.916	118	118
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	140.540.000	140.540.000	115.764.282	115.764.282	82	82
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên			50.023.634	50.023.634		

Vĩnh Lại, ngày 09 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Đoàn Bảo Trung

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hương

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025				SO SÁNH %			
		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX		TỔNG SỐ	XDCB	TX	
		1	2	3		4	5	6		7=4/1	8=5/2	10=6/3	
A	B												
	TỔNG CHI	150.202.000	6.093.000	144.109.000		167.915.760	45.060.700	122.822.263		111,79	739,55	85,23	
A	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	150.202.000	6.093.000	144.109.000		167.882.963	45.060.700	122.822.263		111,77	739,55	85,23	
1	Chi quốc phòng	795.000		795.000		1.116.790		1.116.789,9		140,48		140,48	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.996.000		1.996.000		4.356.211	3.172.429,0	1.183.782,1		218,25		59,31	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	99.264.000		99.264.000		93.831.864	16.720.916,4	77.110.947,7		94,53		77,68	
4	Chi khoa học và công nghệ	-				-							
5	Chi y tế, dân số và gia đình	241.000		241.000		17.300		17.300,0		7,18		7,18	
6	Chi văn hoá thông tin	647.000		647.000		91.570		91.570,1		14,15		14,15	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	534.000		534.000		94.539		94.539,4		17,70		17,70	
8	Chi thể dục thể thao	209.000		209.000		18.600		18.600,0		8,90		8,90	
9	Chi bảo vệ môi trường	236.000		236.000		-				0,00		-	
10	Chi các hoạt động kinh tế	3.848.000	2.040.000	1.808.000		14.989.742	14.293.809,9	695.931,8		389,55	700,68	38,49	
10.1	Chi giao thông vận tải	2.674.000	2.040.000	634.000		14.362.257	14.212.050,9	150.206,0		537,11	696,67	23,69	
10.2	Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản	1.174.000		1.174.000		627.485	81.759,0	545.725,8		53,45		46,48	
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	30.331.000	4.053.000	26.278.000		40.569.346	10.330.593,0	30.238.752,9		133,76	254,89	115,07	
12	Chi bảo đảm xã hội	9.567.000		9.567.000		12.797.001	542.952,0	12.254.049,0		133,76		128,09	
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật (Dự phòng, tiết kiệm)	1.476.000		1.476.000		-						-	
14	Chi Trung tâm HCC	1.058.000		1.058.000		-						-	
B	CHI CHUYÊN GIAO NGÂN SÁCH	-	-	-		32.797	-	-					
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-	-	-		-	-	-					
1.1	Bổ sung cân đối					-							
1.2	Bổ sung có mục tiêu					-							

